

Số: 83 /2021 CV/VCS-QHCD

V/v: Giải trình chênh lệch báo cáo kết quả kinh
doanh riêng công ty mẹ Quý III năm 2021

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2021

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán
- Quý cổ đông

Công ty Cổ phần Vicostone ("Công ty") mã CK: VCS xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Ủy ban chứng khoán Nhà Nước, Sở giao dịch chứng khoán và Quý cổ đông trong thời gian qua.

Công ty giải trình biến động trên báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh riêng công ty mẹ Quý III năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020 chi tiết như sau:

I. Chênh lệch một số chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

Mã số	Chỉ tiêu	Quý III.2021	Quý III.2020	Chênh lệch	% chênh lệch
10	Doanh thu thuần	1,788,412,478,384	1,454,942,024,151	333,470,454,233	22.92
11	Giá vốn hàng bán	1,177,214,099,905	946,508,625,456	230,705,474,449	24.37
20	Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	611,198,378,479	508,433,398,695	102,764,979,784	20.21
21	Doanh thu hoạt động tài chính	15,055,108,663	9,729,350,022	5,325,758,641	54.74
22	Chi phí tài chính	26,497,631,326	12,064,714,494	14,432,916,832	119.63
25	Chi phí bán hàng	58,857,474,775	28,893,374,673	29,964,100,102	103.71
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,932,514,854	11,444,042,064	(5,511,527,210)	(48.16)
31	Thu nhập khác	3,559,557,985	459,121,280	3,100,436,705	675.30
32	Chi phí khác	3,501,213,918	3,926,799,220	(425,585,302)	(10.84)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	535,024,210,254	462,292,939,546	72,731,270,708	15.73
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	87,963,390,292	68,114,508,043	19,848,882,249	29.14
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	447,060,819,962	394,178,431,503	52,882,388,459	13.42



II. Nguyên nhân biến động

Quý III.2021, dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp và kéo dài, làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, cung ứng của nhiều doanh nghiệp và Vicostone cũng nằm trong số đó. Tuy nhiên, nhờ việc thích ứng nhanh và chủ động vượt qua nghịch cảnh, Công ty đã đưa ra các biện pháp kịp thời để hoạt động sản xuất, bán hàng không bị gián đoạn, đạt được tăng trưởng tốt so với cùng kỳ năm trước, từng bước hoàn thành mục tiêu mà kế hoạch đã đề ra.

Cụ thể từng chỉ tiêu như sau:

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 333,470,454,233 đồng (22.92%) do số lượng thành phẩm, hàng hóa bán ra tăng.
2. Giá vốn bán hàng tăng 230,705,474,449 đồng (24.37%), Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 102,764,979,784 đồng (20.21%).
3. Doanh thu hoạt động tài chính tăng 5,325,758,641 đồng 54.74% do:
 - Lãi tiền gửi, tiền cho vay tăng 2,579,102,799 đồng
 - Lãi chênh lệch tỷ giá tăng: 2,746,655,842 đồng
4. Chi phí tài chính tăng 14,432,916,832 đồng (119.63%) do:
 - Lỗ chênh lệch tỷ giá tăng: 17,489,326,904 đồng
 - Chi phí lãi vay giảm: 3,056,410,072 đồng
5. Chi phí bán hàng tăng 29,964,100,102 đồng (103.71%) do doanh thu hàng bán tăng lên, trong đó:
 - Chi phí vật liệu, dụng cụ cho bán hàng tăng 1,351,610,214 đồng
 - Chi phí dịch vụ mua ngoài tăng 26,993,243,073 đồng
 - Chi phí bằng tiền khác tăng 2,103,786,741 đồng.
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 5,511,527,210 đồng (48.16%) chủ yếu do chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khấu hao tài sản cố định và chi phí bằng tiền khác giảm.

Như vậy, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty tăng 72,731,270,708 đồng (15.73%) lợi nhuận sau thuế tăng 52,882,388,459 đồng (13.42 %) so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do doanh thu bán hàng và doanh thu tài chính tăng, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm.

Xin chân thành cảm ơn././ *Đương*

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Ban QHCB,
- Lưu VT, TCKT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Anh Tuấn